

BẢN TIN TUẦN

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

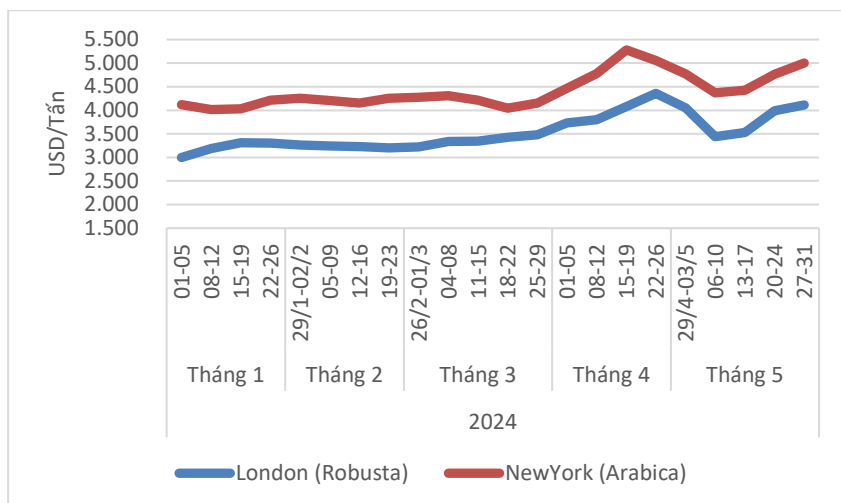
Số 20 (03.06.2024)



ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2024 tại thị trường London đạt mức bình quân 4.116 USD/tấn, tăng 3,2% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 5.000 USD/tấn, tăng 4,9% so với tuần trước.
- ❖ Theo liên đoàn cà phê Châu Âu, tồn kho cà phê tại các kho ở Bỉ, Đức, Pháp, Ý và Tây Ban Nha trong tháng 4/2024 đạt 7.081 nghìn bao, tăng 10,57% so với tháng trước nhưng giảm 36,72% so với cùng kỳ năm trước.
- ❖ Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) sản lượng cà phê của Peru trong niên vụ 2024/2025 (từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025) đạt 4,2 triệu bao, tăng 0,5% so với niên vụ 2023/2024.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong tuần từ ngày 27 đến 31/05/2024, giá cà phê thế giới tiếp tục tăng so với tuần trước. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 07/2024 tại thị trường London đạt 4.116 USD/tấn, tăng 3,2% so với tuần trước và tăng 47,9% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.270 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.892USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2024 bình quân đạt 5.000 USD/tấn, tăng 4,9% so với mức giá tuần trước và tăng 20,6% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.137 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.812 USD/tấn. [1]

Giá cà phê tiếp tục tăng mạnh so với tuần trước do: (1) sản lượng cà phê thế giới dự báo giảm do các nước sản xuất chính như Brazil và Việt Nam giảm sản lượng bởi ảnh hưởng của tình hình khô hạn; (2) Nhà đầu cơ quay lại mua vào dẫn đến nhu cầu cà phê tăng.[2]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Tồn kho cà phê tại Châu Âu

Theo liên đoàn cà phê Châu Âu, tồn kho cà phê tại các kho ở Bỉ, Đức, Pháp, Ý và Tây Ban Nha tháng 4/2024 đạt 7.081, tăng 10,57% so với tháng 3/2024 nghìn bao nhưng giảm 36,72% so với cùng kỳ năm trước. Tồn kho cà phê Robusta giảm 49,52% trong 4 tháng đầu năm 2024 so với 4 tháng đầu năm 2023, cho thấy sự thiếu hụt cà phê Robusta trên thị trường.[3]

Peru

Theo USDA, sản lượng cà phê của Peru trong niên vụ 2024/2025 (từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025) đạt 4,2 triệu bao, tăng 0,5% so với niên vụ 2023/2024. Tiêu thụ cà phê nội địa ở Peru ước đạt 240 nghìn bao, phần lớn cà phê ở nước này phục vụ xuất khẩu và thị trường xuất khẩu chính là Hoa Kỳ.[3]

Colombia

Theo USDA, sản lượng cà phê của Colombia, quốc gia sản xuất cà phê Arabica ướt lớn nhất thế giới, ước đạt 12,2 triệu bao trong niên vụ 2023/2024 (từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024) tăng 6,9% so với niên vụ 2022/2023. Dự báo sản lượng cà phê của quốc gia này trong niên vụ 2024/2025 đạt 12,4 triệu bao, tăng 1,64% so với niên vụ 2023/2024. [3]

Honduras

Theo USDA, sản lượng cà phê Arabica của Honduras ước đạt 5,5 triệu bao trong niên vụ 2023/2024 giảm 0,36% so với niên vụ trước. Nguyên nhân dẫn đến sản lượng cà phê của Honduras giảm do: (1) diện tích nhiễm bệnh gỉ lá và một số bệnh khác tăng; (2) thiếu vốn đầu tư sản xuất; (3) thiếu hụt lao động trong thu hoạch.[4]

USDA dự báo niên vụ 2024/2025 sản lượng cà phê của Honduras không thay đổi so với niên vụ 2023/2024 đạt 5,5 triệu bao. Khối lượng cà phê xuất khẩu trong niên vụ này ước đạt 5,3 triệu bao, tăng 6% so với niên vụ 2023/2024. [4]

Indonesia

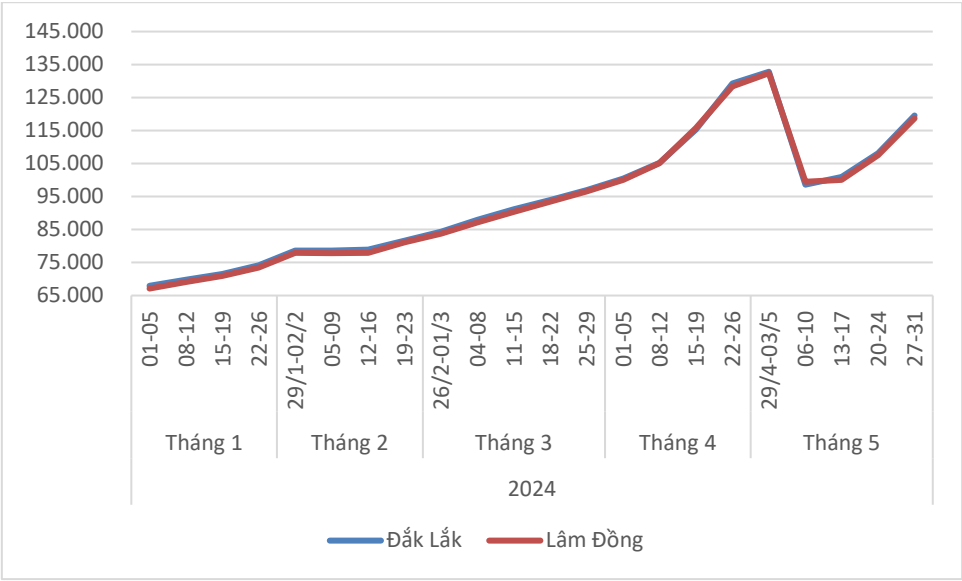
Chuỗi cà phê cao cấp Tomoro Coffee đã khai trương nhà máy rang đầu tiên tại Jakarta, Indonesia với công suất 2.400 tấn cà phê trên năm. Cơ sở này sẽ cung cấp cà phê cho 500 cửa hàng của chuỗi tại Indonesia, Trung Quốc, Singapore và Philippines, đồng thời hỗ trợ để thực hiện mục tiêu sẽ mở rộng lên 1.000 cửa hàng trong vòng 12 tháng tới của hãng cà phê này.[5]

Tomoro Coffee đã vượt qua các chuỗi cà phê Fore Coffee, Excelso và Flash Coffee để trở thành chuỗi cà phê có thương hiệu lớn thứ năm tại Indonesia, chỉ đứng sau Janji Jiwa, Kopi Kenangan, Lain Hati và Starbucks. [5]

ĐIỂM TIN

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên tiếp tục tăng mạnh. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 119.527 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 118.700 VNĐ/kg.
- ❖ Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2024 đạt 2,9 tỷ USD, tăng 44,1% so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu đạt 3482 USD/tấn, tăng 49,9%.
- ❖ 4 tháng đầu năm 2024, Đức là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 13,1% trong tổng khối lượng và chiếm 12,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước, đạt 96.481 tấn, tương đương 317,84 triệu USD.
- ❖ Năm 2023, diện tích trồng cà phê tại Bà Rịa – Vũng Tàu đạt hơn 3.643 ha. Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đặt kế hoạch tái canh cây cà phê tại hai huyện Xuyên Mộc và Châu Đức. Năng suất vườn cà phê sau tái canh dự kiến đạt trung bình 3-3,5 và diện tích tăng 1,5 lần so với trước khi tái canh.



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê tại Tây Nguyên tiếp tục tăng mạnh trong tuần từ 27/05 đến 31/05/2024.

Trong tuần từ 27/05 đến 31/05/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục tăng mạnh, tăng hơn 11.100 VNĐ/kg so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 119.527 VNĐ/kg, tăng 11.400 VNĐ/kg, tương ứng tăng 10,5% so với tuần trước, và tăng 96,2% so với cùng kỳ năm 2023. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 118.700 VNĐ/kg, tăng 10,5% so với tuần trước và tăng 96,5% so với cùng kỳ năm trước. [6]

Giá cà phê tăng mạnh do nguồn cung trong nước giảm. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự báo sản lượng cà phê của Việt Nam giảm khoảng 20%, Ngoài ra, nhu cầu cà phê thế giới vẫn giữ ở mức cao cũng tác động đến giá cà phê trong nước.

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2024.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2024 đạt 2,9 tỷ USD, tăng 44,1% so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu đạt 3482 USD/tấn, tăng 49,9%. [7]

Theo Tổng cục Hải quan, 4 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu cà phê tăng 3% về lượng, tăng 53,6% về kim ngạch về giá so với 4 tháng đầu năm 2023, đạt 737.797 tấn, tương đương gần trên 2,5 tỷ USD, giá trung bình 3.388,7 USD/tấn. [8]

Trong 4 tháng đầu năm 2024, Đức là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm 13,1% trong tổng khối lượng và chiếm 12,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước, đạt 96.481 tấn, tương đương 317,84 triệu USD. So với cùng kỳ năm 2023, xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường Đức tăng 10,9% về lượng và tăng 59,4% về giá trị. [8]

Italia là thị trường lớn thứ 2 với khối lượng xuất khẩu đạt 73.907 tấn, tương đương 229,87 triệu USD, tăng 4,8% về lượng, tăng 54,5% kim ngạch so với 4 tháng đầu năm 2023. [8]

Tây Ban Nha là thị trường lớn thứ 3, chiếm 7,5% tổng sản lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2024. Xuất khẩu cà phê sang thị trường Tây Ban Nha tăng 53,7% về lượng, tăng 136,7% kim so với cùng kỳ năm trước, đạt 55.364 tấn, tương đương 193,28 triệu USD. [8]

Bà Rịa - Vũng Tàu

Cà phê là một trong những cây trồng chủ lực của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, được đánh giá cao về chất lượng và được khách hàng ưa chuộng. Tính đến cuối năm 2023, diện tích trồng cà phê trên toàn tỉnh đạt hơn 3.643 ha.[9]

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đặt kế hoạch tái canh cây cà phê tại hai huyện Xuyên Mộc và Châu Đức. Năng suất vườn cà phê sau tái canh dự kiến đạt trung bình 3-3,5 tấn/ha ở thời kỳ kinh doanh ổn định, với thu nhập trên một đơn vị diện tích tăng 1,5 lần so với trước khi tái canh. Tại huyện Châu Đức, nơi có diện tích trồng cà phê lớn nhất tỉnh, đã có khoảng 200 ha được tái canh và trồng mới trong năm 2023. Dự kiến, trong năm 2024, sẽ có thêm khoảng 200 ha nữa được tái canh và trồng mới. [9]

Từ cuối năm 2023 đến nay, giá cà phê tăng mạnh khiến nhiều người trồng cà phê phấn khởi nên có xu hướng tái canh và mở rộng diện tích sản xuất. Tuy nhiên, các chuyên gia khuyến cáo người dân cần tuân theo quy hoạch địa phương để đảm bảo cân đối cung-cầu và tránh mở rộng diện tích không có kế hoạch đầu ra. Ngoài ra, người trồng

cà phê nên tập trung vào các khâu chế biến sâu nhằm nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của hạt cà phê. [9]

Đắk Lắk

Ngày 29/5/2024, Công ty Cổ phần phân bón Bình Điền cùng các chuyên gia và nhà khoa học từ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên, Trung tâm Khuyến Nông quốc gia khu vực miền Trung - Tây Nguyên, và Trung tâm Khuyến Nông tỉnh Đắk Lắk đã tổ chức tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại các mô hình "Canh tác cà phê thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu" tại huyện Ea Kar và Krông Pắc. [10]

Mô hình được triển khai thực hiện tại khu vực Tây Nguyên nhằm xây dựng gói kỹ thuật hoàn chỉnh giúp người dân trồng cà phê hoặc trồng xen sầu riêng, hồ tiêu có kiến thức thực tế và khoa học để nâng cao năng suất, chất lượng, thu nhập, và tăng trưởng xanh. Các kỹ thuật này cũng nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. [10]

Các chuyên gia, nhà khoa học và nông dân sẽ cùng trao đổi kinh nghiệm và tư vấn kỹ thuật canh tác thông qua các chương trình thăm quan mô hình thí điểm, từ đó hỗ trợ nâng cao hiệu quả sản xuất. [10]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.

<https://www.investing.com>

2.

nongnghiep.vn

3.

iandmsmith.com

4.

iandmsmit.com

5.

worldcoffeeportal.com

6.

Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên

7.

nongnghiep.vn

8.

vinanet.vn

9.

tapchicongthuong.vn

10.

baodaklak.vn

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	114.500	115.500	118.500	121.000	124.000	118.700	11.180
Di Linh	114.500	115.500	118.500	121.000	124.000	118.700	11.180
Lâm Hà	114.500	115.500	118.500	121.000	124.000	118.700	11.180
Bảo Lộc	114.500	115.500	118.500	121.000	124.000	118.700	11.180
ĐẮK LẮK	115.500	116.433	119.433	121.633	124.633	119.527	11.400
Cư M'gar	115.500	116.500	119.500	121.700	124.700	119.580	11.400
Ea H'leo	115.500	116.400	119.400	121.600	124.600	119.500	11.400
Buôn Hồ	115.500	116.400	119.400	121.600	124.600	119.500	11.400
ĐẮK NÔNG	115.950	116.950	119.950	122.150	125.150	120.030	11.660
Gia Nghĩa	116.000	117.000	120.000	122.200	125.200	120.080	11.660
Đắk R'lấp	115.900	116.900	119.900	122.100	125.100	119.980	11.660
GIA LAI	115.433	116.433	119.433	121.633	124.633	119.513	11.560
Chư Prông	115.500	116.500	119.500	121.700	124.700	119.580	11.560
Pleiku	115.400	116.400	119.400	121.600	124.600	119.480	11.560
La Grai	115.400	116.400	119.400	121.600	124.600	119.480	11.560
KON TUM	115.400	116.400	119.400	121.600	124.600	119.480	11.480
Đắk Hà	115.400	116.400	119.400	121.600	124.600	119.480	11.480

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn